CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No 1923/2023/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, Tại ngày: 18 tháng 10 năm 2023
As at 18 Oct 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/*Supervisory Bank:* Ngân hàng BIDV
- Tên quỹ ETF/*ETF name:* QUỸ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **17/10/2023**
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
  Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities symbol*	*Volumn*	*Weighting*
I	Chứng khoán/Stock		
1	PVS	200	0,48%
2	VCB	700	3,55%
3	SSB	1.600	2,34%
4	KDH	500	0,93%
5	VPB	5.300	7,03%
6	GMD	300	1,16%
7	MBB	3.200	3,43%
8	VJC	300	1,81%
9	HCM	200	0,36%
10	GEX	600	0,77%
11	LPB	2.600	2,17%
12	STB	2.100	3,74%
13	NVL	1.400	1,20%
14	SBT	300	0,25%
15	EIB	1.700	1,73%
16	VCI	300	0,72%
17	MSN	700	2,96%
18	MSB	2.000	1,62%
19	REE	100	0,37%
20	MWG	1.200	3,44%
21	VIC	1.300	3,45%
22	NLG	200	0,41%
23	DIG	500	0,69%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities symbol*	*Volumn*	*Weighting*
I	Chứng khoán/Stock		
24	DGC	200	1,14%
25	VGC	100	0,31%
26	HDB	2.300	2,36%
27	VHC	100	0,48%
28	PLX	100	0,22%
29	BVH	100	0,25%
30	CTG	800	1,36%
31	HSG	500	0,55%
32	ACB	3.700	4,93%
33	SSI	1.100	2,08%
34	KBC	600	1,17%
35	VNM	900	3,99%
36	TPB	1.500	1,49%
37	VHM	1.200	3,22%
38	HPG	3.600	5,31%
39	SHB	3.200	2,00%
40	VIB	1.400	1,56%
41	VRE	1.000	1,57%
42	PNJ	300	1,41%
43	KDC	100	0,37%
44	VND	1.000	1,24%
45	IDC	200	0,60%
46	TCB	2.600	4,87%
47	POW	600	0,40%
48	PVD	200	0,34%
49	PDR	300	0,44%
50	FPT	1.200	6,85%
II	Tiền/Cash(VND)	82.812.823	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) **1.613.210.000**

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND) **1.696.022.823**

+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) **82.812.823**

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	*Securities code*	**Substitution cash per share (VND)**	**Applied to**	**Reason**
1	SSI	32.100	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	VCI	40.900	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	BVH	41.650	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ BVSC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	VCB	86.100	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ BVSC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
5	ACB	22.600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	FPT	96.800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	MBB	18.200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	PNJ	79.900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	REE	62.200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	TCB	31.800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	VIB	18.850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/*Other criteria*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 17/10/2023	Kỳ trước/Last Period(**) 16/10/2023	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0,00	0,00	0,00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0,00	0,00	0,00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	9.000.000,00	9.000.000,00	0,00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	19.190,00	18.330,00	860,00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	152.642.054.124,00	154.598.101.837,00	-1.956.047.713,00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1.696.022.823,00	1.717.756.687,00	-21.733.864,00
của 1 CCQ/ per Share	16.960,22	17.177,56	-217,34
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.889,00	1.921,76	-32,76

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 16/10/2023

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 15/10/2023

Đại diện tổ chức
Organization representative

M.S.D.N: 0102333992 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC